

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-34
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-34



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu tiền thân là Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9 thuộc Tổng Công ty Sông Đà được thành lập từ tháng 1 năm 2002. Tháng 12 năm 2002 Ban quản lý chuyển thành Nhà máy thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5100174626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 29/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/03/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Ngọc Phiêm	Chủ tịch	
Ông Đỗ Văn Hà	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Thọ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Nguyễn Tiến Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Đào Quang Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Trần Thế Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Bùi Vi Dương	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Văn Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Viết Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Phùng Xuân Hưng	Phó Giám đốc
Ông Bùi Trọng Cẩn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thanh Lệ	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/05/2016
Bà Lê Hứa Thúy Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Quách Mạnh Hải	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18/05/2016
Ông Vũ Tiến Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/05/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Đỗ Văn Hà

Giám đốc

Hà Giang, ngày 10 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu được lập ngày 10 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		50.810.289.180	36.448.040.896
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26.208.315.163	19.098.069.668
111	1. Tiền		26.208.315.163	19.098.069.668
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.199.642.517	16.335.165.323
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	19.844.571.750	14.290.015.321
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.343.431.033	1.540.464.223
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.011.639.734	504.685.779
140	IV. Hàng tồn kho	8	402.331.500	807.217.947
141	1. Hàng tồn kho		402.331.500	807.217.947
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	207.587.958
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	24.545.318
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	183.042.640
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		492.468.655.066	511.531.084.926
220	II. Tài sản cố định		458.311.577.859	477.332.934.293
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	458.311.577.859	477.332.934.293
222	- Nguyên giá		706.674.935.402	706.674.935.402
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(248.363.357.543)	(229.342.001.109)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.662.536.485	1.662.536.485
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1.662.536.485	1.662.536.485
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	32.494.540.722	32.535.614.148
251	1. Đầu tư vào công ty con		30.600.000.000	30.600.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(105.459.278)	(64.385.852)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		543.278.944.246	547.979.125.822

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		279.189.591.332	275.625.612.743
310	I. Nợ ngắn hạn		59.106.960.641	55.542.982.052
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	1.771.576.619	2.770.840.526
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	17.600.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.015.366.399	2.421.277.504
314	4. Phải trả người lao động		1.248.653.000	1.589.908.164
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	2.410.049.280	34.800.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	30.306.646.153	4.591.509.759
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	17.830.226.617	43.957.495.316
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.524.442.573	159.550.783
330	II. Nợ dài hạn		220.082.630.691	220.082.630.691
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	220.082.630.691	220.082.630.691
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		264.089.352.914	272.353.513.079
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	264.089.352.914	272.353.513.079
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		209.999.000.000	209.999.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		209.999.000.000	209.999.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(468.780.000)	(468.780.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		32.135.208.453	27.009.474.726
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.391.245.795	35.781.139.687
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.853.734.170	3.745.303.891
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		18.537.511.625	32.035.835.796
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		32.678.666	32.678.666
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		543.278.944.246	547.979.125.822


Trần Ngọc Anh
Người lập

Trần Thanh Hà
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Hà
Giám đốc

Hà Giang, ngày 10 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016 VND	2015 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	81.732.173.308	82.073.918.734
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		81.732.173.308	82.073.918.734
11	4. Giá vốn hàng bán	19	46.745.507.977	43.994.098.137
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.986.665.331	38.079.820.597
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		75.902.875	12.040.464
22	7. Chi phí tài chính	20	10.835.826.074	17.162.553.276
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.794.752.648	17.629.353.857
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.354.697.260	4.574.728.229
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.872.044.872	16.354.579.556
31	11. Thu nhập khác		21.432.900	50.962.489
32	12. Chi phí khác		11.331.252	1.850.808.696
40	13. Lợi nhuận khác		10.101.648	(1.799.846.207)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.882.146.520	14.554.733.349
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	1.344.634.895	849.225.122
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.537.511.625	13.705.508.227



Trần Ngọc Anh
Người lập



Trần Thanh Hà
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hà
Giám đốc

Hà Giang, ngày 10 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		19.882.146.520	14.554.733.349
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		19.021.356.434	19.175.636.960
03	- Các khoản dự phòng		41.073.426	(824.047.518)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(75.902.875)	322.778.560
06	- Chi phí lãi vay		10.794.752.648	17.629.353.857
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		49.663.426.153	50.858.455.208
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(7.656.889.236)	(13.899.664.627)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		404.886.447	10.424.447.112
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.574.399.428	(3.890.952.656)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	367.801.746
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	404.914.857
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.749.364.783)	(18.418.617.112)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(836.256.450)	(1.500.250)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(236.900.000)	(1.256.804.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		33.163.301.559	24.588.080.278
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	7.345.684.752
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		75.902.875	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		75.902.875	7.345.684.752
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	202.500.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(26.127.268.699)	(36.324.130.674)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.690.240)	(5.998.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.128.958.939)	(36.127.628.674)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.110.245.495	(4.193.863.644)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.098.069.668	5.890.303.974
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	26.208.315.163	1.696.440.330



Trần Ngọc Anh
Người lập



Trần Thanh Hà
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hà
Giám đốc

Hà Giang, ngày 10 tháng 07 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu tiền thân là Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9 thuộc Tổng Công ty Sông Đà được thành lập từ tháng 1 năm 2002. Tháng 12 năm 2002 Ban quản lý chuyển thành Nhà máy thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5100174626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 29/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/03/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 209.999.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 209.999.000.000 đồng; tương đương 20.999.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất điện thương phẩm, đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn, xây lắp các công trình điện; Xây dựng, sản xuất và kinh doanh điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng thủy điện, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có công ty con sau:

Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô

Địa chỉ

Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

Kinh doanh bất động sản, xây lắp.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Nhà máy Thủy điện Nậm Mu được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4211/BKH-PTDN ngày 11/07/2003 và theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thì: Nhà máy thủy điện Nậm Mu được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2016 là năm thứ 13 Nhà máy được hưởng ưu đãi thuế suất 10% và là năm thứ 09 Nhà máy được giảm 50% thuế phải nộp.

Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần được UBND Tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 102110000002 ngày 27/02/2007 và theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thì: Nhà máy thủy điện Nậm Ngần được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm thứ 04 Nhà máy được giảm 50% thuế phải nộp.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.309.836.485	1.763.894.164
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.898.478.678	17.334.175.504
	26.208.315.163	19.098.069.668

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	30.600.000.000	-	30.600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	30.600.000.000	-	30.600.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	2.000.000.000	(105.459.278)	2.000.000.000	(64.385.852)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (*)	2.000.000.000	(105.459.278)	2.000.000.000	(64.385.852)
	32.600.000.000	(105.459.278)	32.600.000.000	(64.385.852)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Hà Nội	75,90%	75,90%	Kinh doanh bất động sản, xây lắp

(*) Số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại thời điểm 30/06/2016 là 200.000 cổ phần tương đương 0,015% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex. Số dự phòng được xem xét trích lập theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất (31/03/2016) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	19.844.571.750	14.114.391.370
- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	169.080.251
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	6.543.700
	19.844.571.750	14.290.015.321
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	169.080.251
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ hàn và xử lý bề mặt	-	-	108.000.000	-
Công ty CP nghiên cứu và thí nghiệm điện	-	-	495.000.000	-
Công ty CP điện công nghiệp IEC Việt Nam	-	-	139.194.000	-
Phạm Thị Ngọc Bích	415.300.600	-	-	-
Cty TNHH PT khoa học YUEXIANG HỒ	568.248.750	-	-	-
Công ty CPĐTDL và tổ chức sự kiện Việt Nam	731.456.800	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	628.424.883	-	798.270.223	-
	2.343.431.033	-	1.540.464.223	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	491.806.598	-	329.772.255	-
Ký cược, ký quỹ	1.332.439.500	-	-	-
Phải thu khác	187.393.636	-	174.913.524	-
	2.011.639.734	-	504.685.779	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	402.331.500	-	540.800.000	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	3.060.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	263.357.947	-
	402.331.500	-	807.217.947	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công trình Thủy Điện Sông Chảy	1.662.536.485	1.662.536.485
	1.662.536.485	1.662.536.485

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	522.774.591.836	182.028.016.968	1.814.781.143	57.545.455	706.674.935.402
Số dư cuối kỳ	522.774.591.836	182.028.016.968	1.814.781.143	57.545.455	706.674.935.402
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	153.381.336.563	74.213.449.740	1.694.464.801	52.750.005	229.342.001.109
- Khấu hao trong kỳ	11.879.668.212	7.105.505.896	31.386.876	4.795.450	19.021.356.434
Số dư cuối kỳ	165.261.004.775	81.318.955.636	1.725.851.677	57.545.455	248.363.357.543
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	369.393.255.273	107.814.567.228	120.316.342	4.795.450	477.332.934.293
Tại ngày cuối kỳ	357.513.587.061	100.709.061.332	88.929.466	-	458.311.577.859
<i>Trong đó:</i>					
- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:				458.044.057.777	
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				2.143.851.479	



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Việt Chuẩn	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000
- Công ty TNHH thiết bị điện Á Châu	709.160.000	709.160.000	188.369.500	188.369.500
- Công ty Cổ phần hóa dầu HI-PEC	194.700.000	194.700.000	-	-
- Trung tâm kỹ thuật TM dịch vụ Tân Thuận	154.000.000	154.000.000	-	-
- Công ty TNHH Matenai Việt Nam	119.437.107	119.437.107	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	594.279.512	594.279.512	1.282.471.026	1.282.471.026
	1.771.576.619	1.771.576.619	2.770.840.526	2.770.840.526

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.160.955.149	7.242.629.834	6.548.682.188	-	1.854.902.795
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.059.405.429	1.344.634.895	836.256.450	-	1.567.783.874
Thuế Thu nhập cá nhân	-	111.676.299	15.355.500	49.866.950	-	77.164.849
Thuế Tài nguyên	183.042.640	-	3.037.097.729	2.427.780.835	-	426.274.254
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	89.240.627	7.425.380	7.425.380	-	89.240.627
	183.042.640	2.421.277.504	11.647.143.338	9.870.011.803	-	4.015.366.399

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.375.249.280	-
- Chi phí phải trả khác	34.800.000	34.800.000
	2.410.049.280	34.800.000

14 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	-	326.859.000
- Bảo hiểm xã hội	280.462.507	-
- Bảo hiểm y tế	46.243.162	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	19.803.230	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	25.282.142.260	83.952.500
- Phải trả lãi vay	696.363.916	650.976.051
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	2.715.217.106	2.530.276.522
- Quỹ bảo vệ môi trường rừng - Tỉnh Hà Giang	577.242.920	171.954.320
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	689.171.052	827.491.366
	30.306.646.153	4.591.509.759

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	5.919.353.740	5.919.353.740	-	1.089.127.123	4.830.226.617	4.830.226.617
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô ⁽¹⁾	5.919.353.740	5.919.353.740	-	1.089.127.123	4.830.226.617	4.830.226.617
Nợ dài hạn đến hạn trả	38.038.141.576	38.038.141.576	-	25.038.141.576	13.000.000.000	13.000.000.000
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Bảo Việt ⁽²⁾	10.000.000.000	10.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Hà Giang ⁽³⁾	28.038.141.576	28.038.141.576	-	20.038.141.576	8.000.000.000	8.000.000.000
	43.957.495.316	43.957.495.316	-	26.127.268.699	17.830.226.617	17.830.226.617
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Bảo Việt (2)	95.150.161.691	95.150.161.691	-	5.000.000.000	90.150.161.691	90.150.161.691
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Hà Giang (3)	162.970.610.576	162.970.610.576	-	20.038.141.576	142.932.469.000	142.932.469.000
	258.120.772.267	258.120.772.267	-	25.038.141.576	233.082.630.691	233.082.630.691
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(38.038.141.576)	(38.038.141.576)	-	(25.038.141.576)	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	220.082.630.691	220.082.630.691			220.082.630.691	220.082.630.691

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang

(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Căn cứ hợp đồng tín dụng số 01.NM.TD/14/NT ngày 01/01/2014 và Phụ lục hợp đồng ngày 01/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu và Công ty CP Sông Đà Tây Đô, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - + Mục đích vay: Vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: trong vòng 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 7%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Khoản vay với Ngân hàng thương mại Cổ phần Bảo Việt theo hợp đồng tín dụng số 109/2011.HDTD-DN ngày 07/04/2011, phụ lục số 01 ngày 30/11/2011, phụ lục hợp đồng số 03 ngày 25/01/2013 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay tối đa: 110.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Nậm An;
 - + Thời hạn cho vay: 120 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo quy định của BAOVIETBANK tại thời điểm giải ngân, lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2016 là 9%/năm;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay là giá trị quyền sử dụng đất, công trình xây dựng và máy móc thiết bị của dự án thủy điện Nậm An;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 90.150.161.691 đồng, nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 5.000.000.000 đồng.
- (3) Khoản vay với Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Hà Giang theo hợp đồng tín dụng số 01/2015.HDTHDA/NHCT195-NAMMU ngày 30/06/2015 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 167.970.610.576 đồng;
 - + Mục đích vay: Tái tài trợ khoản vay dài hạn của Công ty tại các tổ chức tín dụng để đầu tư các dự án thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần;
 - + Thời hạn cho vay: 70 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng tối đa không quá ngày 07/04/2021;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2016 là 7,9%/năm;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của Nhà máy thủy điện Nậm Mu, Nhà máy thủy điện Nậm Ngần, và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của Nhà máy thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 142.932.469.000 đồng, nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 8.000.000.000 đồng.

c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	30/06/2016		01/01/2016	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Vay	4.830.226.617	-	5.919.353.740	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	4.830.226.617	-	5.919.353.740	-
(1)				
	<u>4.830.226.617</u>	<u>-</u>	<u>5.919.353.740</u>	<u>-</u>

Ghi chú: (1) Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	149.999.890.000	(204.360.000)	23.941.152.156	22.772.457.264	32.678.666	196.541.818.086
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	13.705.508.227	-	13.705.508.227
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.068.322.570	(4.027.173.373)	-	(958.850.803)
Số dư cuối kỳ trước	149.999.890.000	(204.360.000)	27.009.474.726	32.450.792.118	32.678.666	209.288.475.510
Số dư đầu năm nay	209.999.000.000	(468.780.000)	27.009.474.726	35.781.139.687	32.678.666	272.353.513.079
Lãi trong kỳ này	-	-	-	18.537.511.625	-	18.537.511.625
Phân phối lợi nhuận	-	-	5.125.733.727	(31.927.405.517)	-	(26.801.671.790)
Số dư cuối kỳ này	209.999.000.000	(468.780.000)	32.135.208.453	22.391.245.795	32.678.666	264.089.352.914

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ/ĐHĐCĐ/16 ngày 18 tháng 05 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	32.035.835.796
Trích Quỹ đầu tư phát triển	16,00%	5.125.733.727
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	1.601.791.790
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	78,66%	25.199.880.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,34%	108.430.279

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	51,00%	107.100.000.000	51,00%	107.100.000.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	23,44%	49.220.600.000	12,02%	25.235.800.000
Các cổ đông khác	25,56%	53.678.400.000	36,98%	77.663.200.000
	100%	209.999.000.000	100%	209.999.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	209.999.000.000	149.999.890.000
- Vốn góp đầu kỳ	209.999.000.000	149.999.890.000
- Vốn góp cuối kỳ	209.999.000.000	149.999.890.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.999.900	20.999.900
- Cổ phiếu phổ thông	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.999.900	20.999.900
- Cổ phiếu phổ thông	20.999.900	20.999.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	32.135.208.453	27.009.474.726
	32.135.208.453	27.009.474.726

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngoại tệ các loại		
	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	67,34	78,34
- Đồng Euro (EUR)	72,27	83,24

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	81.441.742.688	77.067.883.936
Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.000.000	1.931.848.426
Doanh thu hợp đồng xây dựng	229.430.620	3.074.186.372
	81.732.173.308	82.073.918.734
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27.)	229.430.620	3.074.186.372

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn điện thương phẩm đã bán	46.482.150.030	35.085.629.651
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	2.857.093.311
Giá vốn của hoạt động xây lắp	263.357.947	6.051.375.175
	46.745.507.977	43.994.098.137

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.794.752.648	17.629.353.857
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	357.034.857
Dự phòng/ hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	41.073.426	(824.047.518)
Chi phí tài chính khác	-	212.080
	10.835.826.074	17.162.553.276

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	308.474.898	921.813.206
Chi phí nhân công	2.685.037.131	2.976.417.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.182.326	77.443.218
Thuế, phí, lệ phí	69.997.924	54.750.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.846.350	173.355.628
Chi phí khác bằng tiền	1.048.158.631	370.948.055
	4.354.697.260	4.574.728.229

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.882.146.520	14.554.733.349
Các khoản điều chỉnh tăng	124.331.252	537.182.001
- Chi phí không hợp lệ	124.331.252	537.182.001
Thu nhập tính thuế TNDN	20.006.477.772	15.091.915.350
Thuế suất thuế Thu nhập Doanh Nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	4.001.295.554	3.320.221.377
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(2.656.660.659)	(2.470.996.255)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.344.634.895	849.225.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.059.405.429	877.449.852
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(836.256.450)	(1.500.250)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.567.783.874	1.725.174.724

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.851.992.668	2.381.534.785
Chi phí nhân công	9.618.558.516	10.801.421.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.010.025.182	19.175.636.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.030.535.000	3.237.605.754
Chi phí khác bằng tiền	5.325.735.924	4.504.913.312
	50.836.847.290	40.101.112.414

31

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.208.315.163	-	-	26.208.315.163
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.856.211.484	-	-	21.856.211.484
Đầu tư dài hạn	-	1.894.540.722	-	1.894.540.722
	48.064.526.647	1.894.540.722	-	49.959.067.369
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.098.069.668	-	-	19.098.069.668
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.794.701.100	-	-	14.794.701.100
Đầu tư dài hạn	-	1.935.614.148	-	1.935.614.148
	33.892.770.768	1.935.614.148	-	35.828.384.916

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	17.830.226.617	220.082.630.691	-	237.912.857.308
Phải trả người bán, phải trả khác	32.078.222.772	-	-	32.078.222.772
Chi phí phải trả	2.410.049.280	-	-	2.410.049.280
	<u>52.318.498.669</u>	<u>220.082.630.691</u>	<u>-</u>	<u>272.401.129.360</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	43.957.495.316	220.082.630.691	-	264.040.126.007
Phải trả người bán, phải trả khác	7.362.350.285	-	-	7.362.350.285
Chi phí phải trả	34.800.000	-	-	34.800.000
	<u>51.354.645.601</u>	<u>220.082.630.691</u>	<u>-</u>	<u>271.437.276.292</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang
(84 - 219) 3 827 276 Fax (84 - 219) 3 827 523

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:
(riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 15.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Doanh thu		229.430.620	3.074.186.372
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty mẹ	229.430.620	3.074.186.372

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		-	169.080.251
Công ty CP Sông Đà 9	Công ty mẹ	-	169.080.251
Phải trả khác		2.715.217.106	2.530.276.522
Công ty CP Sông Đà Tây đô	Công ty con	2.715.217.106	2.530.276.522

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.018.703.000	814.609.000

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.


Trần Ngọc Anh
Người lập


Trần Thanh Hà
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Hà
Giám đốc

Hà Giang, ngày 10 tháng 07 năm 2016